

Tập 107

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm mười:

(Sớ) Phật giả, Chủ Thành Tựu dã. Phật nghĩa giải kiến tiền văn, dĩ thị nhất kỳ chúng sanh sở cộng tông cổ, danh chi viết Chủ. Hựu lục chủng thành tựu trung, tối vi Chủ cổ.

(疏)佛者，主成就也。佛義解見前文，以是一期眾生所共宗故，名之曰主。又六種成就中，最為主故。

(Sớ: Phật là Chủ Thành Tựu. Xem lời giải thích ý nghĩa chữ Phật trong phần trước. Do được chúng sanh cùng tôn sùng trong một thời kỳ, nên gọi là Chủ. Lại nữa, trong sáu thứ thành tựu, Chủ là trọng yếu nhất).

Đây là giải thích chữ Phật trong phần kinh văn “*như thị ngã văn, nhất thời Phật*”. Trong Lục Chủng Thành Tựu, chữ Phật thuộc Chủ Thành Tựu. “*Như thị*” là Tín Thành Tựu, “*ngã văn*” là Văn Thành Tựu, “*nhất thời*” là Thời Thành Tựu, “*Phật*” là Chủ Thành Tựu. Nói theo cách bây giờ, chữ “*Chủ*” này là chủ tịch trong đại hội, hoặc là vị chủ giảng trong giảng tòa này, Thích Ca Mâu Ni Phật là chủ giảng. Vì sao gọi Ngài là Chủ Thành Tựu? Tiếp đó là hai câu giải thích, “*thị nhất kỳ chúng sanh*”, trong một thời kỳ. Nếu nói theo thuở ấy, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, bốn mươi chín năm ấy là một thời kỳ trụ thế giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong thời kỳ ấy, mọi người đều coi đức Thế Tôn là thầy, đều coi Ngài là vị chủ giảng, tức là vị “*thuyết pháp chủ*”; do vậy, gọi Ngài là Chủ Thành Tựu. Nếu nói theo toàn thể pháp vận của đức Phật, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm. Một vạn hai ngàn năm chia thành ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp; Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Một vạn hai ngàn năm ấy là pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là thời kỳ giáo hóa lâu dài của Ngài.

Trong một vạn hai ngàn năm ấy, tuy hiện thời Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng tại thế, chúng ta đọc kinh điển, đọc ngữ lục của Ngài, vẫn giống như tiếp nhận sự giáo huấn của đức Phật. Ý nghĩa chữ Chủ cũng có thể hiểu là kéo dài đến tận thời kỳ Mạt Pháp. Vì vậy, trong sáu thứ

thành tựu, Chủ Thành Tựu là điều trọng yếu nhất. Nếu chẳng có Phật, năm thứ khác đều chẳng thể nói là thành tựu được! Do có Phật, mới có năm thứ thành tựu trước đó. Trong lời Sao có giải thích.

(Sao) Cộng tông giả.

(鈔) 共宗者。

(Sao: “Cùng tôn sùng”).

“Cộng” là cùng chung.

(Sao) Phật xuất thế vi nhất kỳ, nhất kỳ chi trung.

(鈔) 佛出世為一期，一期之中。

(Sao: Phật xuất thế là “một kỳ”, trong một kỳ).

Nói theo nghĩa hẹp, đức Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm; nói theo nghĩa rộng, toàn thể pháp vận của đức Phật là một vận hai ngàn năm.

(Sao) Lục phàm, tam thánh.

(鈔) 六凡三聖。

(Sao: Lục phàm, tam thánh).

“Lục phàm” là lục đạo phàm phu, “tam thánh” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chúng ta gọi họ là “tam thừa nhân”.

(Sao) Nhất thiết chúng sanh, đồng sở tông chủ.

(鈔) 一切眾生，同所宗主。

(Sao: Hết thảy chúng sanh đều cùng tôn sùng vị Chủ).

Hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới đều tôn Phật làm thầy, đều nghe theo giáo huấn của đức Phật.

(Sao) Như vạn tánh bách tịch, quy nhất nhân cố.

(鈔) 如萬姓百辟，歸一人故。

(Sao: Như vạn hộ, trăm quan¹ đều thuộc về một người).

Trước kia, hoàng đế là chủ một nước. Dân chúng và chư hầu đều phải nghe lệnh thiên tử. Đây là dùng thiên tử để sánh ví đức Phật.

(Sao) Lục thành tựu trung Chủ giả, vọng tiền, tác tế Chủ chi hội thành Thời, linh Chủ chi ngữ thành Văn, thọ Chủ chi giáo thành Tín. Vọng hậu, tác Chủ chi sở cư thành Xứ, Chủ chi sở hóa thành Chúng, thị lục chủng cộng thành, nhi quy trọng u Phật, diệc ngôn Phật tiện châu ý dã.

(鈔)六成就中主者，望前，則際主之會成時，聆主之語成聞，受主之教成信。望後，則主之所居成處，主之所化成眾，是六種共成，而歸重於佛，亦言佛便周意也。

(Sao: Đối với Chủ trong sáu thứ thành tựu, nếu xét những điều trước thì lúc gặp gỡ Chủ sẽ thành Thời, nghe lời Chủ nói sẽ thành Văn, nhận lãnh lời dạy của Chủ thành Tín. Nhìn vào những điều sau, nơi Chủ ở là Xứ, kẻ được Chủ hóa độ là Chúng, nên sáu thứ cùng được hình thành, nhưng đều quy kết Phật là trọng yếu nhất, nên hẳn nói “Phật” thì các ý nghĩa đều được trọn vẹn).

“Tế Chủ chi hội thành Thời”: “Tế hội” (際會) là lúc nhân duyên tụ hội, cũng có thể nói là lúc cơ duyên chín muồi. Nếu cơ duyên chưa chín muồi, Phật xuất hiện trong thế gian này cũng vô ích. Trong thời đại hiện tại, vì sao Phật, Bồ Tát không đến? Chắc cũng có kẻ nói, chúng sanh hiện thời quá khổ sở, lẽ ra Phật, Bồ Tát phải nên đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, phải nên ngay lập tức tới thế gian này thì mới đúng. Thật ra, Phật, Bồ Tát đúng là đại từ đại bi, hiện thời các Ngài cũng tới, không chỉ tới, mà còn tới rất nhiều, và cũng tới nhiều lần. Bất quá, chẳng dùng thân phận Phật, Bồ Tát để đến, vì sao? Nếu dùng thân phận Phật, Bồ Tát để đến, không chỉ chẳng thể độ chúng sanh, mà còn đem đến tai nạn cho chúng sanh. Nói như vậy nghĩa là sao? Hiện thời, chúng sanh tin tà,

¹ Theo nghĩa gốc, “Tích” (辟) là tiếng để gọi chư hầu (theo từ điển Khang Hy, khi dùng theo nghĩa này, phải đọc là Tích). Sách Nhĩ Nhã Thích Huấn giảng: “Thiên tử dĩ chư hầu thông xưng Tích dã” (thiên tử và các chư hầu đều gọi chung là Tích). Về sau, “Tích” được hiểu theo nghĩa rộng là các quan.

chẳng tin chánh, nghe lừa gạt, chẳng nghe khuyên răn. Quý vị khuyên họ, họ chẳng nghe; lừa họ, họ nghe theo! Đó là do nghiệp chướng nặng nề! Phật, Bồ Tát chẳng thể lừa người! Nếu Phật, Bồ Tát lừa người, sẽ là phá giới, còn gọi là Phật, Bồ Tát gì nữa! Phật, Bồ Tát chẳng thể lừa người. Do vậy, Phật, Bồ Tát đến giáo hóa chúng sanh trong hiện thời khó khăn lắm, khá là khó khăn. Ngược lại, hiện thời, trong thế gian này, yêu ma, quỷ quái rất nhiều. Tôi nghe đồng tu kể: Pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam bảo: “Tháng Bảy năm ngoái, Quỷ Môn Quan mở cửa, yêu ma thấy đều bước ra”. Sư thầy chuyện này rất lạ lùng, vì sao yêu ma, quỷ quái đều được thả ra? Thả những loài ấy ra, chắc chắn đối với thế gian này chẳng có gì tốt đẹp, đó là điềm báo thế giới động loạn, chẳng phải là chuyện tốt lành. Điều này đương nhiên cũng chẳng phải là không có nguyên nhân. Nguyên nhân căn bản ở chỗ nào? Nguyên nhân căn bản là do lòng người. Nếu tâm con người chánh đáng, những thứ yêu quỷ ấy sẽ không được thả ra, vì thả ra cũng chẳng khởi tác dụng gì! Lòng người tà, sẽ cảm ứng tà, chánh cảm ứng chánh. Hiện tại, chúng sanh trong thế gian này, kẻ tà tri tà kiến nhiều lắm, kẻ có chánh tri kiến ít ỏi; bởi lẽ, họ tin tưởng tà pháp, chẳng tin tưởng chánh pháp.

Dầu Phật, Bồ Tát đông đảo, cũng rải khắp trong các ngành nghề, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: “Nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy”; nhưng nếu cơ duyên chưa chín muồi, Phật cũng chẳng thể độ kẻ ấy! Kẻ ấy chẳng tin, chẳng tiếp nhận, không có cách nào hết! Nếu tâm mọi người đều chánh, đều muốn thoát khỏi sanh tử, đều muốn sớm chứng Bồ Đề, nếu những người như vậy đông đảo, Phật sẽ đến. Trong Phật môn thường nói: *“Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”* (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Chỉ cần có một người chánh tri chánh kiến, thật sự mong liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật đạo, Phật cũng chẳng thể bỏ người ấy. Nếu Phật bỏ người ấy, Phật sẽ có lỗi đối với chúng sanh, một người cũng chẳng thể bỏ! Một người thì Ngài có phương pháp độ một người, nhiều người, bèn có phương pháp độ nhiều người; phương pháp khác nhau! Trong hội này, cơ duyên đắc độ của chúng sanh đã chín muồi; do vậy, đức Phật thị hiện giáng sanh trong nhân gian, trụ thế tám mươi năm, vì chúng ta thuyết pháp bốn mươi chín năm. Đây là một kỳ *“gia hội”* (嘉會: hội tốt lành), tức là pháp hội vô cùng thù thắng.

“Linh Chủ chi ngữ thành Văn” (nghe lời dạy của vị Chủ thành Văn Thành Tựu). Nếu chẳng do nghe Phật pháp mà khai ngộ thì chẳng thể gọi là Văn Thành Tựu. Nghe Phật khai thị, hoằng nhiên đại ngộ thì

gọi là Văn Thành Tựu. “*Thọ Chủ chi giáo thành Tín*” (tiếp nhận sự giáo hóa của Chủ mà thành Tín Thành Tựu): Nghe lời Phật nói, thật sự ngộ nhập; sau khi ngộ nhập, tín tâm kiên cố, vĩnh viễn chẳng bị thoái chuyển, thật sự tin tưởng. Trước kia, con người căn tánh nhậy bén, nghe pháp dễ khai ngộ. Con người hiện thời thành kiến rất sâu, vọng tưởng đặc biệt nhiều, luôn luôn đều phải có chứng cứ, không có chứng cứ sẽ chẳng tin tưởng. Đương nhiên Phật thuyết pháp, họ cũng đòi hỏi phải đưa ra chứng cứ; vì thế, [phải vận dụng] Tam Chuyển Pháp Luân. Tam Chuyển Pháp Luân là ba nguyên tắc thuyết pháp của đức Phật. Thứ nhất là Thi Chuyển, nói rõ sự thật, lý luận, người lợi căn vừa nghe liền khai ngộ. Người căn tánh độn vẫn chẳng ngộ, Phật lại phải khuyên dạy, khích lệ, đó là Khuyên Chuyển. Nếu người ấy giác ngộ, bèn có thể tiếp nhận. Còn có một hạng người căn tánh rất độn, quý vị khuyên kẻ ấy, kẻ ấy cũng chẳng tiếp nhận. Khích lệ kẻ ấy, kẻ ấy cũng chẳng nghe lọt tai. Đối với người như vậy, Phật chỉ còn cách đưa chứng cứ cho kẻ ấy thấy, đó là Chứng Chuyển. Kẻ ấy vừa nhìn thấy chứng cứ, bèn tin tưởng, thì vẫn còn cứu được, vẫn có thể độ. Loại người thứ tư, đưa ra chứng cứ, kẻ ấy vẫn không tin, chẳng còn cách nào, đó là kẻ vô duyên với Phật, Phật chẳng thể độ kẻ ấy. Ba loại người trước đều có thể độ, còn loại thứ tư, đối với người ấy, Phật chẳng biết làm sao, độ không được! Giống như những kẻ tin tà, chẳng tin chánh trong hiện thời, sẽ chẳng có cách nào tiếp nhận Phật pháp. Thật sự tin là Tín Thành Tựu. Ở đây nói là “*thọ Chủ giáo*” (tiếp nhận lời dạy của vị Chủ); tức là nói về Tam Chuyển Pháp Luân, Thi, Khuyên, Chứng đều có thể tiếp nhận, bèn thành Tín Thành Tựu.

“*Chủ chi sở cư thành Xứ*”, Xứ Thành Tựu. “*Chủ chi sở hóa thành Chúng*”, “*sở hóa*” là những người được Ngài giáo hóa, là học trò của Ngài, tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài. Đó là Chúng Thành Tựu, kinh thường liệt kê Thường Tùy Chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi người. Do vậy, trong sáu thứ thành tựu, Chủ Thành Tựu là điều trọng yếu nhất. Không có Chủ Thành Tựu, năm thứ kia cũng chẳng thể thành tựu. Kinh điển thường nói “*ngôn Phật tiện châu*”, [nghĩa là] nói một chữ Phật, hết thảy các ý nghĩa đều được bao gồm viên mãn, chẳng sai sót một điều nào!

(Sớ) Tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên giả, Xứ Thành Tựu dã.

(疏) 在舍衛國，祇樹給孤獨園者，處成就也。

(Sớ: “*Tại nước Xá Vệ, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*” là Xứ Thành Trụ).

“*Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*” là nơi Ngài trụ. Chúng ta thấy kinh nói “*Phật tại*”, chẳng nói Phật trụ ở nơi nào. “*Tại*” và “*trụ*” khác nhau. “*Trụ*” là ở nơi đó, bất động; “*tại*” là hiện diện khắp nơi ấy, ngày mai có trụ ở đó hay không, chẳng nhất định. Trước kia, hoàng đế ở nơi nào chẳng thể nói là vua “*trụ*” nơi đó, mà gọi là “*tại*”. “*Hành tại*” là nói nhà vua đang ở nơi nào đó. Vì sao chẳng nói là “*trụ*”? Vì xưa kia, hoàng đế “*quý vị thiên tử, phú hữu tứ hải*” (quý hiển như thiên tử, giàu khắp bốn biển). Cả nước đã là nhà của vua thì quý vị nghĩ xem vua phải trụ nơi đâu? Nước đã là nhà, là trụ xứ của vua! Do vậy, chỉ đành nói là vua ở tại nơi đâu. Ví như, nhà quý vị rất lớn, lúc quý vị ở nhà, hỏi quý vị đang ở chỗ nào? Ở phòng khách hay đang ở trong phòng? Chẳng thể nói quý vị trụ tại phòng khách, trụ trong phòng riêng, hoặc trụ trong bếp, chẳng thể nói kiểu đó! Khu vực giáo hóa của Phật so với lãnh thổ của một quốc vương còn lớn hơn rất nhiều, khu vực giáo hóa của Phật là tam thiên đại thiên thế giới. Địa cầu của chúng ta là một tinh cầu trong tam thiên đại thiên thế giới mà thôi. Tam thiên đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một đức Phật; nếu nói Thích Ca Mâu Ni Phật trụ ở đâu, chúng ta chỉ có thể nói Ngài trụ trong thế giới Sa Bà. Hiện thời, Ngài ở nơi đâu? Do vậy, nói là Tại, chẳng thể nói là Trụ.

(Sớ) *Tại giả, Thiên Thai vị tại tức trụ ý. Biệt chi hữu tứ, viết thiên trụ, phạm trụ, thánh trụ, Phật trụ. Tùy nghi Phật trụ, nãi chí thiên trụ, thật tắc Phật thân vô tại, vô bất tại.*

(疏) 在者，天台謂在即住意。別之有四：曰天住，梵住，聖住，佛住。隨宜佛住，乃至天住，實則佛身無在無不在。

(Sớ: “*Tại*”: Tông Thiên Thai nói “*tại*” có nghĩa là “*trụ*”. Nói tách biệt thì có bốn loại là thiên trụ, phạm trụ, thánh trụ, và Phật trụ. Tùy thời tiết, căn cơ thích hợp mà có Phật trụ cho đến thiên trụ, nhưng thật ra, thân Phật không ở nơi nào nhất định, mà cũng không nơi nào chẳng hiện diện).

Bồ Tát đều là tùy loại hóa thân, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, huống chi là Phật? “*Phật thân vô tại, vô bất tại*”, nơi nào có duyên, Phật sẽ hiện diện nơi đó. Không có duyên, Phật sẽ chẳng hiện diện. Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ). Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng, cảm ứng đạo giao. Lũ chúng sanh chúng ta có cảm là có tâm, Quán Kinh dạy chúng ta tưởng, còn kinh này dạy chúng ta niệm, ức Phật, niệm Phật, chúng ta có tâm, nhưng Phật ứng là vô tâm. Vô tâm thì làm sao có thể ứng? Nói thật ra, chính vì vô tâm nên mới có thể ứng, hữu tâm sẽ chẳng thể ứng. Quý vị thấy cái khánh này chẳng có tâm, bên trong trống rỗng. Quý vị gõ nó, đó là cảm, quý vị vừa gõ, nó liền ngân lên, ngân lên là ứng. Chính vì nó vô tâm, cho nên “*đại khẩu tắc đại minh, tiểu khẩu tắc tiểu minh*” (gõ mạnh sẽ kêu to, gõ nhẹ sẽ kêu nhỏ). Nếu nó có tâm, quý vị gõ, chắc là nó chẳng kêu, chẳng đáp ứng. Vì Phật là vô tâm, nơi nào có cảm, bèn ứng nơi đó. Phật có đến đi hay không? Chẳng đến đi! Đúng như kinh đã dạy: “*Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận*” (sanh ra từ đâu sẽ diệt mất ở ngay nơi đó), chẳng có đến đi. Thật ra, đối với nguyên lý này, Phật là như thế, mà mỗi cá nhân chúng ta cũng đều là như vậy. Rất đáng tiếc, chính chúng ta chẳng biết chân tướng sự thật này; chúng ta mê, cho là có sanh, lão, bệnh, tử, có đến, có đi, thấy đều là quan niệm sai lầm, thấy chân tướng sự thật sai lạc. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, thấy chân tướng sự thật, thì phạm phu chúng ta và Phật chẳng hai! Nếu nói khác nhau thì chỉ là mê hay ngộ, trừ mê hay ngộ ra, quả thật chẳng có gì khác nhau!

Đoạn này giảng về Xứ Sở Thành Trụ. Tông Thiên Thai bảo “*tại*” cũng có nghĩa là “*trụ*”. “*Biệt chi hữu tứ*” (nói tách biệt thì có bốn loại), Biệt là nói theo Phật pháp, căn cứ trên những điều được giảng trong kinh điển, kinh quá nửa nói là “*Phật trụ*”, tông Thiên Thai chia thành bốn loại. Vì sao tông Thiên Thai phải nói như vậy? Đương nhiên là có đạo lý, họ muốn “*hiển thị tâm pháp có thể trụ*”, vì người ta hễ nói đến “*trụ*” thường nghĩ đến thân, chúng ta nói: “*Quý vị trụ ở đâu?*” đều hàm ý thân quý vị đang trụ ở đâu, chẳng nói tâm quý vị trụ nơi đâu! Nhưng trong Phật pháp, nói thật ra, rất coi trọng tâm. Quý vị thấy Nhị Tổ Huệ Khả của Thiên Tông thỉnh giáo Đạt Ma Tổ Sư, nói thật ra là do Ngài chẳng hiểu phải an trụ tâm ở nơi đâu, phải an trụ cái tâm ở chỗ nào cho thỏa đáng. Vì chuyện ấy mà chặt tay cầu pháp. Trong kinh Kim Cang, cả một bộ kinh Kim Cang chỉ nhằm giảng hai vấn đề. Ngài Tu Bồ Đề thỉnh giáo

Thích Ca Mâu Ni Phật hai vấn đề, thứ nhất là “*vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (làm thế nào để hàng phục cái tâm). Vấn đề thứ hai là “*ưng vân hà trụ?*” (nên trụ như thế nào). Hàng phục cái tâm là do tâm chúng ta có quá nhiều tạp niệm, quá nhiều phiền não, cần phải dùng phương pháp nào thì mới có thể chế phục? Đây là một vấn đề. Thứ hai là tâm an trụ ở chỗ nào? Do vậy, tông Thiên Thai nói bốn loại [trụ] vì chú trọng cái tâm, điều này rất khẩn yếu, ý nghĩa rất sâu.

Trong tâm quý vị thường xuyên suy tưởng, vương mắc, đấy chính là tâm quý vị trụ vào đó, trong ấy sẽ chia ra thành mười pháp giới. Nếu tâm quý vị thường nghĩ đến tham lam, keo kiệt, quý vị sẽ trụ trong ngạ quỷ đạo. Hiện thời, thân vẫn chưa ở trong ngạ quỷ đạo, nhưng tâm đã an trụ trong ngạ quỷ đạo! Nếu thường ôm lòng sân khuê, ganh ghét, đó là địa ngục đạo, tâm ở trong địa ngục đạo. Nếu muốn làm một thiện nhân, nhưng chuyện gì cũng chẳng nghe, chẳng hỏi tới, hồ đồ, chuyện gì cũng chẳng biết, tâm ấy sẽ trụ trong súc sanh đạo, súc sanh đạo ngu si! Trong tâm thường có tham, sân, si, những thứ ấy là tam ác đạo. Tuy thân chưa đến đó, tâm đã an trụ nơi đó, rất phiền phức!

Do điều này biết rằng: Trong tâm thường nghĩ tới Ngũ Giới, Ngũ Thường, Nho gia nói Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Tứ Duy, Bát Đức; đấy là nhân đạo. Nếu trụ trong Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả), đó là thiên đạo, thiên trụ. Nếu thường nghĩ tới Tứ Đệ, Ba Mươi Bảy Phẩm [trợ đạo], đó là A La Hán, tâm trụ trong Thanh Văn đạo. Thường nghĩ tới Mười Hai Nhân Duyên, đấy là Duyên Giác đạo. Thường nghĩ tới Lục Độ, vạn hạnh, là Bồ Tát đạo. Nếu thường nghĩ tới thanh tịnh, bình đẳng, đấy là Phật đạo, Phật tâm thanh tịnh, bình đẳng. Nay kinh này khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật trụ ở chỗ nào? Trụ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, dụng ý của Ngài ở chỗ này!

(Sao) Tại tức trụ trước, Đại Phẩm luận: Minh Phật tại chỗ sở, dĩ nhi ngôn tạm tại cửu trụ, tổng thành tại ý.

(鈔)在即住著，大品論：明佛在某所，已而言暫在久住，總成在意。

(Sao: “Tại” là ở lại. Kinh Đại Phẩm [Bát Nhã] luận định: “Nói rõ Phật ở chỗ nào, nói “tại” mang ý nghĩa tạm thời, nói “trụ” mang ý nghĩa lâu dài, nhưng đều là ý nghĩa của chữ “tại”).

“*Tại*” là tạm thời, “*trụ*” là lâu dài. “*Trụ*” ở chỗ nào, tức là ở lâu dài nơi ấy; có một chút khác biệt như vậy.

(Sao) Kim vị vô luận cửu tạm, dẫn trụ đương thời thuyết kinh chi xứ, tức danh vị tại, như thiên tử sở chí, tức danh “hành tại” dã.

(鈔)今謂無論久暫，但就當時說經之處，即名為在；如天子所至，即名行在也。

(Sao: Nay bắt luận là lâu dài hay tạm thời, hễ trong lúc ở chỗ nào thuyết kinh bèn nói là “tại” [nơi đó], như thiên tử đi tới đâu thì nơi đó gọi là “hành tại”).

Hiện thời, bất luận thời gian Ngài ở nơi nào lâu dài hay tạm thời, dài hay ngắn, chúng ta chỉ nói bộ kinh này được giảng ở nơi nào đó.

(Sao) Tứ trụ giả, Phật nhiếp chúng sanh, tùy nghi nhi trụ. Hoặc hiện thiên trụ, vị Lục Dục thiên nhân, tức dĩ Thí, Giới thiện tâm trụ.

(鈔)四住者，佛攝眾生，隨宜而住。或現天住，謂六欲天因，即以施戒善心住。

(Sao: “Bốn loại trụ”: Đức Phật nhiếp thọ chúng sanh, thuận theo cơ nghi để trụ, hoặc hiện thiên trụ, nghĩa là do cái nhân sanh vào cõi trời Lục Dục bèn trụ trong thiện tâm Thí Giới).

Những điều tiếp theo đây, đều là nói theo phương diện nhân quả. Vì Phật giáo hóa chúng sanh, trong sự giáo hóa chúng sanh ấy, lấy nhân quả làm mệnh đề (proposition) chủ yếu để thảo luận. Chúng sanh chúng ta mong cầu quả báo, nhất định phải biết quả báo được hình thành như thế nào. Nói cách khác, nhất định phải biết nhân duyên của nó. Nhân duyên trọn đủ, quả báo đương nhiên sẽ hiện tiền; bởi lẽ, từ đầu đến cuối, Phật pháp chẳng lừa nhân quả. Hiện tại có những kẻ chẳng tin nhân quả, đây là ngu si! Nhân quả bày ra ngay trước mắt, nhưng kẻ ấy vẫn ương ngạnh nói chẳng tin, còn có cách nào nữa đây? Ví như nếu kẻ ấy muốn khỏi đói bụng, ăn cơm là nhân, ăn no sẽ khỏi đói bụng đây là quả. Đó là nhân và quả rất đơn giản! “Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”, hạt dưa là nhân, sanh ra quả dưa là quả. Bất luận chuyện gì trên thế gian cũng chẳng thể vượt khỏi nhân và quả, lẽ nào chẳng tin? Vì thế, trong

kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói “ngũ châu nhân quả” (năm tầng lớp nhân quả)², trong kinh Pháp Hoa, nói “Nhất Thừa nhân quả”.

Ở đây, chia thành bốn đoạn, cũng là giảng về bốn thứ nhân quả khác nhau. “Hoặc hiện thiên trụ”, [nghĩa là] đối với những chúng sanh cầu sanh lên cõi trời, họ biết cõi trời tốt đẹp, mong mỗi đời sau được sanh lên thiên đường. Quý vị nói thoát tam giới, liễu sanh tử, họ chẳng có hứng thú, nghe không lọt tai, mục đích của họ chỉ là mong sanh về thiên đường. Đức Phật nói: “Không sao! Quý vị mong đến thiên đường, ta sẽ dạy quý vị phương pháp đến thiên đường”, sẽ dạy họ an trụ cái tâm nơi Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm, trong tương lai, nhất định có thể sanh thiên, dạy họ tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. “Thí Giới thiện tâm” là bố thí, trì giới, tu Thập Thiện, “thiện tâm” là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị y theo những điều ấy để tu học, tương lai nhất định sanh thiên, tâm quý vị an trụ ở chỗ ấy!

(Sao) Hoặc hiện Phạm trụ, vị Sơ Thiên chí Phi Tướng nhân, tức dĩ Tứ Vô Lượng Tâm trụ.

(鈔) 或現梵住，謂初禪至非想因，即以四無量心住。

(Sao: Hoặc hiện Phạm Trụ, nghĩa là do cái nhân sanh từ Sơ Thiên cho đến cõi trời Phi Tướng mà trụ trong Tứ Vô Lượng Tâm).

“Phạm” là Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, Tứ Thiên, Bát Định, Phật dạy quý vị phương pháp ấy. Hiện thời, có không ít người thích tham Thiên, thích sanh về Phạm Thiên. “Phạm” có nghĩa là thanh tịnh. Đức Phật sẽ dạy họ phương pháp ấy, dạy họ Tứ Thiên, Bát Định, Tứ Vô Lượng Tâm, dạy họ hãy an trụ cái tâm nơi ấy. So với loại trước, loại này cao hơn rất nhiều, địa vị cao hơn rất nhiều. Những pháp này đều là pháp thế gian, chẳng vượt thoát tam giới, công phu đã khá lắm, nhưng vẫn là phàm phu sanh tử trong lục đạo.

(Sao) Hoặc hiện thánh trụ, vị tam thừa nhân, tức dĩ tam tam-muội trụ.

² “Ngũ châu nhân quả” do Thanh Lương đại sư phán định các phẩm trong kinh Hoa Nghiêm, tức là:

1. Sở tín nhân quả: từ phẩm Một đến phẩm thứ Sáu.
2. Sai biệt nhân quả: gồm hai mươi chín phẩm kế tiếp.
3. Bình đẳng nhân quả: gồm hai phẩm kế đó.
4. Hạnh thành nhân quả: gồm một phẩm, tức phẩm Ly Thế Gian.
5. Chứng nhập nhân quả: tức phẩm Nhập Pháp Giới.

(鈔) 或現聖住，謂三乘因，即以三三昧住。

(Sao: Hoặc hiện thánh trụ, nghĩa là do cái nhân tam thừa nên trụ trong ba thứ tam-muội).

“*Tam-muội*” (Samādhi) là tiếng Phạn dịch âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, Tam là Chánh, Muội là Thọ. Chánh Thọ là sự hưởng thụ bình thường. “*Tam tam-muội*” là ba thứ hưởng thụ bình thường. Phàm phu chúng ta hưởng thụ bất bình thường, có sao không bình thường? Có mừng, giận, buồn, vui, thất tình, ngũ dục, nên sự hưởng thụ ấy không bình thường. Trong sự hưởng thụ bình thường, không có tham, sân, si, mạn, không có thất tình, ngũ dục, lúc đó mới gọi là hưởng thụ bình thường! Sự hưởng thụ bình thường ấy chính là Thiên Định. Tam-muội cũng có thể dịch là Thiên Định, mà cũng là nhất tâm bất loạn trong pháp môn Niệm Phật. Nhất tâm bất loạn được gọi là Niệm Phật tam-muội, là sự hưởng thụ đúng mực do niệm Phật. “*Tam Thừa*” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, vượt thoát tam giới. Thanh Văn phải tu pháp Tứ Đế, phải tu ba mươi bảy đạo phẩm, Duyên Giác phải tu mười hai nhân duyên, Bồ Tát phải tu lục độ vạn hạnh, đó là “*tam thừa nhân*” (cái nhân của tam thừa).

Ba thứ tam-muội là Không, Vô Tướng, Vô Tác, chúng được gọi là “*đại tam không tam-muội*”, chung cho cả ba thừa. Thanh Văn có, Duyên Giác cũng có, Bồ Tát cũng có, nhưng cảnh giới khác nhau. Danh từ “*tam tam-muội*” tương đồng, nhưng cảnh giới khác nhau, công phu sâu hay cạn khác biệt. Giống như học hành trong nhà trường: Sơ Trung (Trung Học Đệ Nhất Cấp, cấp hai), Cao Trung (Trung Học Đệ Nhị Cấp, cấp ba), Đại Học đều có giờ Quốc Văn, tên gọi môn học giống nhau, nhưng nội dung có sâu hay cạn khác nhau. Người thuộc tam thừa đều có đại tam không tam-muội, tâm phải an trụ chỗ này thì mới có thể vượt thoát tam giới, siêu phàm nhập thánh.

“*Đại tam không tam-muội*”, nói đơn giản là như trong Bát Nhã đã nói “*tam luân thể không*”, chẳng chấp tướng. “*Không*” là Huệ, là trí tuệ chân thật, thật sự hiểu rõ hết thấy các pháp là Không. Nói thật ra, “*hết thấy các pháp đều là Không*” rất khó hiểu! Do giảng “*hết thấy các pháp đều là Không*” mà đức Phật giảng kinh Bát Nhã suốt hai mươi hai năm. Lão nhân gia thuyết pháp bốn mươi chín năm, gần như tổn phân nửa thời gian để giảng giải cho chúng ta “*hết thấy các pháp đều là Không*”, hết thấy các pháp là không thể được. Vì sao phàm phu chúng ta có lắm

phiền não như thế? Những phiền não ấy đều phát sanh từ sự cảm nhận sai lầm, ngỡ hết thấy các pháp đều là có, ngỡ hết thấy các pháp thật sự có, đối với hết thấy các pháp dấy lên vọng niệm, vọng niệm gì vậy? Được, mất. Không đạt được bèn mong đạt được; đạt được rồi lại sợ bị mất đi, lo được, lo mất; do vậy, hết thấy phiền não đều sanh từ chỗ ấy. Thật sự liễu giải chân tướng sự thật, hết thấy các pháp là không thể được, vậy thì ý niệm được - mất chẳng còn. Ý niệm được - mất chẳng còn, sẽ tự tại, chẳng còn phiền não. Vì thế, điều này vô cùng trọng yếu.

Nói theo luật nhân quả, trong cuộc đời mỗi người chúng ta, nói thật ra, số mạng quý vị đã được định trước, chẳng có cách nào vượt khỏi vận mạng! Vì thế, đại đa số con người khi đi xem tướng, quý vị thấy thầy tướng số đoán mạng rất chuẩn xác, người ta nói rành rọt quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng sai chút nào, có thể thấy là đều đã được định sẵn! Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huán, sách Liễu Phàm Tứ Huán vô cùng hay, có thể khiến quý vị khai ngộ, mới hiểu vận mạng suốt đời của mỗi người đã định sẵn, “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định trước*”. Khổng tiên sinh đoán mạng cho Viên Liễu Phàm, mỗi năm ông Viên thu nhập bao nhiêu tiền, phê đoán Bát Tự³ rành rẽ, kết toán [chi thu] mỗi năm chẳng sai tí nào, chẳng nhiều hơn, chẳng ít hơn, trong mạng đã định sẵn rồi. Trong mạng đã được định trước là có, sẽ luôn có. Trong mạng đã định sẵn không có, cầu cách nào cũng không được. Vì thế, Viên Liễu Phàm tin vào vận mạng, vọng tưởng gì cũng chẳng cần nghĩ tới, vì sao? Trong mạng đã định sẵn rồi, ta có muốn cũng chẳng được! Trong mạng là có thì ta chẳng muốn cũng không được luôn! Đến lúc, nó sẽ xảy tới. Thôi đi, đừng nghĩ tới nữa là tốt nhất! Tâm ông ta thanh tịnh, đắc Định rồi, mà cũng đắc tam-muội. Ông ta và hòa thượng Vân Cốc hai người ngồi xếp bằng trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm, trong tâm chẳng dấy lên một vọng tưởng nào! Hòa thượng Vân Cốc thấy vậy bội phục vô cùng: Một người có công phu Thiền Định sâu như thế chẳng dễ có, ba ngày ba đêm ngồi trên bồ đoàn chẳng dấy lên một vọng tưởng nào! Do vậy, hết sức ca ngợi ông ta. Ông ta mới cho biết: “Mạng đã được Khổng tiên sinh đoán sẵn rồi, hết thấy đều biết”.

³ Bát Tự còn gọi là Tứ Trụ hoặc Tử Bình, là một cách đoán vận mạng dựa trên Thiên Can và Địa Chi của năm, tháng, ngày, giờ sanh, đem phối hợp Ngũ Hành Âm Dương tương sanh, tương khắc để luận đoán. Quan niệm này đã có từ rất lâu đời, được bổ sung và hệ thống hóa bởi Lý Hư Trung vào đời Đường và Tử Tử Bình vào đời Ngũ Đại. Người có công hệ thống hóa cũng như bổ sung lý luận thấu đáo nhất là Tử Tử Bình nên môn này được gọi là Tử Bình Bát Tự từ đó.

Ông ta nói: “Tôi có suy tưởng cũng uổng công; nên đơn giản là chẳng nghĩ tới nữa”. Nghe xong, thiền sư Vân Cốc cười ha hả: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, [nào ngờ] vốn là phàm phu”. Thánh nhân là công phu thành tựu, còn ông ta là phàm phu, tin tưởng nhân quả, coi như chẳng cần nghĩ tới, có nghĩ tới cũng uổng công, suy tưởng đều là vọng tưởng, có gì chính mình phải chịu khổ? Vì thế, chẳng nghĩ tới. Vì thế, ông ta chưa phải là định, mà là hiểu rõ nhân quả.

Người thật sự hiểu rõ nhân quả, hết thấy vọng niệm chẳng có; nhưng còn kém người tu đạo. Người tu đạo có quán huệ. Người tin tưởng nhân quả chỉ biết chuyện đương nhiên, chẳng hiểu nguyên có, chưa có Huệ, vẫn bị vô minh bao trùm, cả đời vẫn nghe theo số mạng sắp xếp, không có cách nào vượt thoát số mạng. Trụ trong tam tam-muội, hoàn toàn chuyển biến vận mạng, có thể nói là giải thoát khỏi vận mạng, chính mình hoàn toàn làm chủ tử, rất khác với Viên Liễu Phàm. Viên Liễu Phàm là phàm phu, người trụ trong tam tam-muội là thánh nhân, tuyệt đối chẳng phải là phàm phu, người ấy đã vượt thoát tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

Do vậy, “Không” là quán huệ, chẳng chấp trước hết thấy các pháp, biết hết thấy các pháp giống như kinh Kim Cang đã nói. Kinh Kim Cang khai trí huệ. Kinh Kim Cang chẳng cần niệm nhiều, chỉ cần niệm hai câu là được, “Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng”, quý vị phải nhớ kỹ câu ấy, hư vọng thì còn có tốt đẹp gì nữa mà tranh giành? Còn có được mát chi nữa? “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Pháp hữu vi là pháp sanh diệt, giống như con người chúng ta có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, không, đều gọi là pháp hữu vi. Động vật, thực vật, khoáng vật thấy đều là pháp hữu vi, cho đến những gì tâm ta nghĩ cũng là pháp hữu vi, cũng chẳng thật, đều là giả, giống như mộng, huyễn, bọt, bóng, có cũng được, không có cũng được, về căn bản là đừng nên chấp trước.

Thật sự nhập cảnh giới này, quý vị nói vọng tưởng dấy lên thì có cần phải đoạn hay chẳng? Vọng tưởng là hư vọng, đoạn nó để làm gì? Không cần đoạn nó! Chân chẳng cần cầu, vọng chẳng cần đoạn, tự nhiên thứ gì cũng đều không có. Vọng tưởng đã là vọng tưởng, mà vẫn nỗ lực đoạn vọng tưởng, há chẳng phải là trên vọng tưởng lại chồng thêm vọng tưởng, vĩnh viễn chẳng đoạn được! Vì vậy, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân, bất trừ vọng tưởng, bất cầu Chân” (Đạo nhân tuyệt học vô vi thật là nhàn, chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu Chân), chẳng có chuyện gì! Nếu quý vị đoạn vọng tưởng,

mong cầu Chân, sẽ còn có Sự, còn lo được, lo mất. Nói cách khác, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh. Do vậy, thật sự nhập ba thứ Không tam-muội, tâm thanh tịnh, trong hết thấy cảnh giới có thể tùy duyên, đắc đại tự tại, thật sự chẳng lo nghĩ, không vướng mắc, tự do, tự tại.

Do vậy, thánh nhân và phàm phu khác nhau, phàm phu không làm được. Tứ Thiên, Bát Định là dùng công phu định lực để khuất phục phiền não, chưa thể đoạn phiền não. Nhập Đại Tam Không tam-muội, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn, đây mới là trí huệ chân chánh. Đây là nói về Thánh Trụ, nếu quý vị phát nguyện muốn liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng thánh quả, đức Phật có biện pháp để dạy cho quý vị. Quý vị thích thành A La Hán, sẽ thành A La Hán; thích thành Bồ Tát, sẽ trở thành Bồ Tát.

(Sao) Hoặc hiện Phật trụ, tức dĩ Thủ Lăng Nghiêm bách bát tam-muội, lực, vô úy, bất cộng trụ.

(鈔)或現佛住，即以首楞嚴百八三昧，力無畏不共住。

(Sao: Hoặc hiện Phật trụ, tức là dùng một trăm lẻ tám tam-muội trong Thủ Lăng Nghiêm, lực, vô úy, bất cộng để trụ).

Đây là cảnh giới tối cao. “*Bách bát tam-muội*” là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội như kinh Lăng Nghiêm đã giảng. Kinh Lăng Nghiêm giảng về chuyện này. Đức Phật chẳng thường nói tới loại tam-muội này. “*Bách bát*” chẳng phải là con số, mà là biểu thị pháp, do đối ứng với phiền não mà nói. Trong Phật môn, thường quy nạp, phân loại phiền não. Quy nạp để nói cho thuận tiện, vì nói thật ra, phiền não vô lượng vô biên; vô lượng vô biên sẽ khó nói, nói bằng cách nào đây? Do vậy, quy nạp lại, quy nạp thành tám vạn bốn ngàn. Thật sự có con số tám vạn bốn ngàn, nhưng phạm vi đã thu nhỏ rất nhiều. Nhưng nếu giảng giải tám vạn bốn ngàn thì vẫn phiền phức, giảng giải từng điều một sẽ phiền phức khôn ngần! Nhằm giảng giải thuận tiện, bèn quy nạp thành một trăm lẻ tám loại, dễ nói hơn! Do vậy, hiện thời tràng hạt (xâu chuỗi) có một trăm lẻ tám hạt, [ngụ ý] đoạn trừ một trăm lẻ tám phiền não. Vì thế, trong tam-muội cũng nói “*bách bát tam-muội*”, ý nghĩa của “*bách bát*” là triển khai sẽ thành vô lượng vô biên. Danh xưng chung là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, nói tách ra là “*bách bát tam-muội*”. Giống như địa phương Đài Loan này có danh xưng chung là tỉnh Đài Loan, tách ra bèn có Đài Bắc, Cao Hùng, Đài Trung, cũng có rất nhiều huyện thị. Do vậy,

Thủ Lăng Nghiêm là danh xưng chung, là pháp được chứng đắc bởi Như Lai, cũng có thể nói là tam-muội rốt ráo viên mãn.

“*Lực*” là Thập Lực, tức là Như Lai có mười thứ năng lực đặc thù, ngay cả Bồ Tát cũng chẳng có, nhưng Như Lai có. Nói đơn giản, Lực là năng lực. Chúng ta thường tán thán Phật vạn đức, vạn năng, lời này cũng chẳng phải là tán thán tùy tiện, mà là thật. Phật có trí huệ viên mãn, có năng lực viên mãn, nhìn từ chỗ nào? Chúng ta đọc xong Quán Kinh sẽ hiểu rõ. Nếu có kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, tội nặng dường ấy, nếu chúng ta hỏi: Phật có năng lực khiến cho kẻ ấy lập tức thành Phật hay chẳng? Nếu Phật chẳng có năng lực thì “vạn đức, vạn năng” chỉ là lời tán thán, chẳng phải là thật sự. Thưa quý vị, Phật thật sự có năng lực này. Quý vị thấy trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Thập Lực Quán Kinh, những chúng sanh Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung, tướng địa ngục hiện tiền, nếu họ có duyên gặp thiện tri thức khuyên hãy niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lâm chung một niệm hay mười niệm đều được vãng sanh; hễ vãng sanh sẽ đắc viên chứng ba thứ Bất Thoái, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Có thể thấy: Chẳng phải là Phật không có năng lực, mà do chúng sanh chẳng tin tưởng, không chịu tiếp nhận! Đây chẳng phải là Phật có khuyết điểm, chẳng phải do Ngài không có năng lực làm được, Ngài muốn giúp quý vị, nhưng quý vị không tiếp nhận, vậy thì có cách nào nữa đây? Do vậy, biết: Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung sắp đọa địa ngục, đều có thể ngay lập tức thành Phật, nhiều người trong số chúng ta đang hiện diện tại đây vẫn chưa có nghiệp chướng nặng nề như thế! Nếu quý vị chịu tin tưởng, phẩm vị sẽ cao, ai nấy đều vãng sanh trong bậc trung hoặc bậc thượng, chẳng thuộc trong ba phẩm Hạ.

Thiện Đạo đại sư đã nói rất hay: “*Ba bậc, chín phẩm là do chúng ta trong đời này gặp duyên khác nhau, cho nên vãng sanh mới có sai khác*”. Chẳng hạn tại Đài Loan, Tịnh Độ rất phổ biến, người niệm Phật rất đông, nhưng mỗi nơi niệm Phật, gặp duyên khác nhau. Ở nơi này, duyên của chúng ta khá thù thắng, nhưng vẫn chưa phải là tận thiện tận mỹ, vì sao nói chưa phải là tận thiện, tận mỹ? Chúng ta còn thiếu một Niệm Phật Đường; [đạo tràng phải gồm] một giảng đường và một Niệm Phật đường, mới là tận thiện tận mỹ. Trong giảng đường, giảng giải Tịnh Độ tam kinh nhất luận, hoặc giảng giải Tịnh Độ ngũ kinh, những đạo lý ấy quý vị thấy đều hiểu rõ trọn hết, mới có tâm thực hiện, quyết định chẳng hoài nghi. Những câu Phật hiệu do quý vị niệm trong Niệm Phật Đường đều đắc lực, duyên ấy thù thắng bậc nhất. Duyên kém hơn một

chút, hướng dẫn quý vị cùng nhau niệm Phật, nhưng chẳng hiểu đạo lý niệm Phật, tuy niệm suốt đời nhưng vẫn bán tín bán nghi, do duyên kém nên phẩm vị vãng sanh thấp. Đối với lý luận thấy đều hiểu rõ, thông đạt, niệm Phật như vậy, phẩm vị vãng sanh sẽ cao. Ba bậc chín phẩm chẳng phải do thiện căn, phước đức đời quá khứ, chẳng phải do những điều ấy quyết định, mà do duyên gặp được trong đời này quyết định. Lờn ấy hay quá, Thiện Đạo đại sư bảo chúng ta như vậy. Vì thế, chúng ta phải quý trọng cái duyên này.

Trong tương lai, nếu chúng ta thật sự có khả năng ấy, chúng ta lại tìm một nơi to như vậy, hoặc lớn hơn chỗ này một chút, có một Niệm Phật Đường. Có Niệm Phật Đường thì hằng ngày khi niệm Phật chẳng cần phải dọn dẹp bàn ghế, cực nhọc quá, tâm bị khuấy loạn hết. Nếu có Niệm Phật Đường, chúng tôi giảng kinh ở đây xong, mọi người đến niệm Phật trong Niệm Phật Đường. Giảng đường và Niệm Phật Đường nhất định phải là hai nơi, như vậy thì mới tốt đẹp. Nói thật ra, chuyện này cũng không phải là rất khó, mọi người thật sự có tâm, có ý niệm ấy, có nguyện vọng ấy, sẽ được thành tựu.

“*Vô úy*”: Phật có bốn thứ vô úy:

- Thứ nhất là “*tổng trì vô úy*”, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, lý luận, hiện tượng, trình tự, chẳng có gì Phật không biết. Do vậy, trong bất luận trường hợp nào, Ngài cũng đều vô úy (không sợ hãi), không có gì chẳng biết. Chúng ta lên giảng đài sẽ chẳng tự nhiên như đức Phật, vì sao? Sợ người ta bắt bí, bắt bí đến nỗi ta không biết làm sao giải quyết cho êm xuôi, mang nỗi sợ này! Phật không có, Phật thật sự là toàn trí, toàn năng.

- Thứ hai là “*tri căn vô úy*”, Phật có thần thông, căn tánh của mỗi chúng sanh Phật đều biết, Ngài biết đời quá khứ và cũng biết đời vị lai của quý vị. Quá khứ, hiện tại, vị lai của quý vị Ngài đều biết; do vậy, quý vị nghĩ gì, muốn hỏi gì, Ngài đều biết, không có gì chẳng biết. Do vậy, trên giảng đài Ngài vô úy.

- Thứ ba là “*quyết nghi vô úy*”, bất luận nan đề nào cũng chẳng thể làm khó được Ngài, Ngài đều có thể giải thích, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín.

- Thứ tư là “*đáp báo vô úy*”, cũng là biện tài vô ngại. Quý vị có câu hỏi, chắc chắn Phật sẽ trả lời, nhất định sẽ đáp cho quý vị hài lòng. Không chỉ đáp khiến cho quý vị đoạn nghi sanh tín, mà còn khiến quý vị phá mê khai ngộ. Đây là điều Bồ Tát chưa thể làm được viên mãn, chỉ có

Phật quả mới đạt đến rốt ráo viên mãn bốn thứ [vô úy] ấy. Vì thế, chúng được gọi là “*bốn thứ vô úy nơi quả địa*”.

“*Bất cộng*” là mười tám món bất cộng pháp. Từ ba nghiệp thân - khẩu - ý, chắc chắn không có khuyết điểm, cho đến điều thứ mười tám là “*tri vị lai vô ngại*”, tức là Phật biết hiện tại, quá khứ, vị lai thấy đều chẳng có chướng ngại, không có gì chẳng biết. Tiểu Thừa, Bồ Tát đều chưa thể làm được điều này; do vậy, Phật đích xác là toàn trí toàn năng. “*Trụ*” kế tiếp là Phật trụ.

(Sao) Thượng tam tùy tha ý trụ, hậu nhất tùy tự ý trụ.

(鈔) 上三隨他意住，後一隨自意住。

(Sao: Ba món “tùy” trước là thuận theo ý của người khác mà trụ, món “tùy” sau cùng là Ngài tự trụ).

Đức Phật trụ tại “*nước Xá Vệ, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*”. Ba loại trước là Phật giáo hóa chúng sanh, loại cuối cùng, chúng sanh cũng làm không được, nên chính Phật an trụ. Chính mình trụ trong một trăm lẻ tám Lăng Nghiêm tam-muội, Thập Lục, Tứ Vô Úy, mười tám pháp Bất Cộng, Phật trụ tại nơi đó. Đây là Thiên Thai đại sư giảng ý nghĩa riêng biệt của chữ “*trụ*”, cách giảng này cũng vô cùng hay, chúng ta cũng cần phải học tập. Dưới đây, Liên Trì đại sư giả lập một đoạn văn đáp nhằm đoạn trừ nghi hoặc cho chúng ta.

(Sao) Vấn: Phật hà dĩ thiên trụ?

(鈔) 問：佛何以天住。

(Sao: Hỏi: Vì sao Phật thiên trụ?)

Phật trụ trong “*Phật trụ*”, đó là hợp lý; vì sao Ngài trụ trong thiên trụ? Nói thật ra, Phật thị hiện trong nhân gian, vẫn chưa phải là thiên trụ, mà là nhân trụ. Ở trong nhân gian của chúng ta, so với cõi trời còn ủy khuất hơn nữa.

(Sao) Đáp: Khuất chí tôn tại chí liệt xứ, vi độ sanh cố dã.

(鈔) 答：屈至尊在至劣處，為度生故也。

(Sao: Đáp: Khuất thân cao quý nhất nơi thấp hèn nhất là do độ sanh).

Trả lời rất hay, cũng hết sức viên mãn. Do chúng sanh có cảm, nên Phật bèn có ứng. Chúng sanh ở nơi nào, Phật nhất định phải thị hiện thân đồng loại, cùng ở chung một chỗ với họ thì khi ấy mới có thể giáo hóa họ. Nếu chẳng thể ở cùng một chỗ, Phật sẽ chẳng có cách nào giáo hóa. Phải là tùy loại hiện thân, nên dùng thân gì để đắc độ, Phật bèn thị hiện thân phận như thế ấy!

(Sao) Vô tại, vô bất tại giả.

(鈔) 無在無不在者。

(Sao: “Vô tại, vô bất tại”).

Nói thật ra, Thể, Tướng, tác dụng đều là như vậy.

(Sao) Thể tịch liêu, cố vô tại.

(鈔) 體寂寥，故無在。

(Sao: Thể vắng lặng, cho nên chẳng hiện diện).

“Tịch liêu” là trống vắng, giống như hư không. Thể giống như hư không, chẳng có hình tướng, không có âm thanh, không có dấu vết, cho nên “vô tại”, nhưng nó hiện tướng, nên nó tồn tại.

(Sao) Thể viên thông, cố vô bất tại.

(鈔) 體圓通，故無不在。

(Sao: Do Thể viên thông, nên không đâu chẳng tồn tại).

“Viên” là viên mãn, “thông” là thông đạt. Chúng sanh có cảm, Ngài sẽ có ứng. Vì có ứng, nên Ngài hiện diện, nói “vô bất tại” tức là có sự hiện hữu. Vì thế, nói “vô tại, vô bất tại”. Vô tại là nói theo Thể, vô bất tại là nói theo tướng được hiện.

(Sao) Hoa Nghiêm vân: “Phật thân phi chí, phi bất chí”.

(鈔) 華嚴云：佛身非至非不至。

(Sao: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân Phật chẳng đến, mà cũng không đâu chẳng đến”).

“Chí” là đèn, “phi chí, phi bất chí” là không đèn, mà cũng chẳng không đèn. Vì đây là cảm ứng, ở đâu có cảm, bèn hiện tướng nơi ấy. Quý vị chẳng nói Phật có đèn, cũng không thể nói Ngài không đèn; đèn và không đèn đều chẳng thể nói được; đây mới là chân tướng sự thật.

(Sao) Hà dĩ cố? Hư không vô thân cố.

(鈔) 何以故，虛空無身故。

(Sao: Vì có sao? Do hư không chẳng có thân).

Pháp Thân không có tướng, giống như hư không chẳng có một tướng gì! Không có tướng, làm sao có thể nói nó đến, làm sao có thể nói nó không đến?

(Sao) Như Lai diệc nhĩ.

(鈔) 如來亦爾。

(Sao: Như Lai cũng giống như vậy).

Pháp Thân của Phật giống như hư không.

(Sao) Biến nhất thiết pháp, biến nhất thiết chúng sanh, quốc độ.

(鈔) 遍一切法，遍一切眾生國土。

(Sao: Trọn khắp hết thấy các pháp, trọn khắp hết thấy chúng sanh, cõi nước).

Giống như hư không, quả thật là trọn khắp. Nói thật ra, chân tâm của chúng ta trọn khắp. Tâm là trọn khắp. Chẳng tin thì có thể thí nghiệm, chúng ta mở căng mắt, những gì có thể thấy đều là trọn khắp. Chúng ta thấy gì tức là tâm ta đến nơi đó. Nếu tâm không đến, làm sao quý vị thấy được? Quý vị có thể thấy thì chính là tâm quý vị đạt tới [chỗ đó]. Chủ thể để thấy (năng kiến) là gì? Tâm là năng kiến, mắt chẳng phải là năng kiến. Mắt chẳng phải là năng kiến, tâm là năng kiến. Tâm bao lớn? Quý vị thấy rộng chừng nào, tâm to chừng đó. Nói thật ra, phạm vi [mà mắt] chúng ta thấy được hãy còn nhỏ lắm, vì chúng ta thấy đằng trước, chẳng thấy đằng sau. Chúng ta nghe có thể nghe phía trước, lại còn có thể nghe phía sau; nhưng phạm vi của nghe vẫn chưa đáng coi là lớn.

Ý niệm trong tâm chúng ta, quý vị nghĩ tới chỗ nào, tâm ở ngay nơi đó. Tâm ấy có thể nói là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trùm khắp thái hư, dung lượng bằng với các cõi có số lượng nhiều như cát), quý vị thấy tâm ấy lớn ngàn nào! Tâm có tướng hay chẳng? Không có tướng. Tâm chẳng hiện tướng, tâm còn lớn hơn hư không rất nhiều! Tâm là Pháp Thân, tâm là bản tánh, Chân Như bản tánh, Pháp Thân Lý thể, [những danh từ ấy] đều nhằm nói về thứ này (tâm). Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất nhiều, rất tỉ mỉ, rất viên mãn. Do vậy, “*vô tại, vô bất tại*” quả thật là “*biến nhất thiết pháp, biến nhất thiết chúng sanh, quốc độ*” (trọn khắp hết thấy các pháp, trọn khắp hết thấy chúng sanh, cõi nước). Vì thế, nói:

(Sao) Phi chí, phi bất chí, tức thử ý dã.

(鈔) 非至非不至，即此意也。

(Sao: [Nói] “chẳng tới, chẳng không tới”, chính là [nói đến] ý này vậy).

Hoàn toàn giống với ý nghĩa đang nói ở đây.

(Sao) Nhiên tắc Phật tại Xá Vệ, dĩ trụ liệt cơ, cố danh “thiên trụ”.

(鈔) 然則佛在舍衛，以就劣機，故名天住。

(Sao: Nhưng đức Phật ngự tại Xá Vệ nhằm thích ứng với căn cơ kém hèn, nên gọi là “thiên trụ”).

Đây là chúng ta coi Phật như chư thiên, tôn xưng Ngài. Phật nhận lấy thân phận chúng sanh, nhằm giáo hóa chúng sanh, nên phải thị hiện hình tướng ấy, trụ tại nước Xá Vệ mười mấy, hai mươi năm, trụ nơi ấy để giáo hóa.

(Sao) Như thật nhi luận, tức Xá Vệ danh Phạm trụ, thánh trụ, Phật trụ, diệc hà bất khả.

(鈔) 如實而論，即舍衛名梵住聖住佛住，亦何不可。

(Sao: Nếu nói đúng theo sự thật thì [đức Phật ngự tại] Xá Vệ vẫn có thể gọi là Phạm trụ, thánh trụ, hoặc Phật trụ, cũng đều chẳng có gì là không được!)

Nói theo hình tích, Xá Vệ là một trụ xứ trong nhân gian chúng ta. Nếu nói theo cảnh giới, nói theo phương diện tâm lý, quý vị nói cách nào cũng đều được, nói gì cũng đều được, đều là nói có lý.

(Sớ) Xá Vệ, Phạn ngữ, dịch âm Thất La Phiệt Tát Đễ.

(疏) 舍衛，梵語，亦云室羅筏悉底。

(Sớ: Xá Vệ, tiếng Phạn, còn dịch âm là Thất La Phiệt Tát Đễ).

Thất La Phiệt Tát Đễ (Śrāvastī)⁴ là dịch âm tiếng Phạn, người Trung Quốc chuộng đơn giản, phiên dịch thường bỏ bớt âm cuối. Chẳng hạn như “Phật đà-da”, chúng ta bỏ âm cuối là “đà-da”, chỉ gọi là Phật.

(Sớ) Hoa ngôn Văn Vật, dĩ đức danh cố; nhất vân văn giả, dĩ nhân danh cố.

(疏) 華言聞物，以德名故；一云聞者，以人名故。

(Sớ: Tiếng Hán dịch là Văn Vật, đặt tên [nước ấy] dựa theo phẩm đức. Dịch chữ thứ nhất là Văn (được nghe danh khắp nơi) do [trong nước ấy] có nhiều người nổi tiếng).

“Hoa” là tiếng Trung Quốc, [Xá Vệ] dịch theo nghĩa tiếng Hán là Văn Vật.

(Sao) Đức giả, dĩ quốc phong tứ đức.

(鈔) 德者，以國豐四德。

(Sao : “Đức”: Do nước giàu có, hội đủ bốn đức).

Nói theo cách hiện thời, quốc gia này đã phát triển, bất luận xét trên văn minh vật chất, hay kinh tế, văn hóa, chánh trị, đều là một quốc gia đã phát triển rất cao.

⁴ Thành Xá Vệ (kinh điển Nam Truyền thường ghi theo âm Pali là Sāvasthī). Thành này nằm trên bờ sông Aciravati (nay là sông Rapti), là thủ đô của đại quốc Kiền Tát La (Kosala). Thuở đức Phật, thành này có đến hơn năm mươi ngàn gia đình sinh sống, tức là đông dân bậc nhất bậc nhì Ấn Độ thời ấy. Đây cũng là nơi đức Phật an cư kiết hạ đến hai mươi lăm lần. Những vị hộ pháp nổi tiếng thời ấy như vua Ba Tư Nặc, ông Cấp Cô Độc, bà Tỳ Xá Khư (Visakha), và hoàng hậu Suppavasa đều ở thành này.

(Sao) Nhất giả, trần đức, ngũ trần chi cảnh, đa mỹ lệ cố.

(鈔) 一者塵德，五塵之境，多美麗故。

(Sao: Một là trần đức (ưu điểm về mặt ngũ trần), do [xét theo] cảnh Ngũ Trần, [Xá Vệ] rất xinh đẹp).

Nói theo cách bây giờ, Trần là kiến thiết vật chất. Ở nơi ấy, kiến thiết vật chất và kiến trúc vô cùng tốt đẹp, văn minh vật chất cũng vô cùng phát triển.

(Sao) Nhị giả, tài đức, thất bảo trân kỳ, vô phất hữu cố.

(鈔) 二者財德，七寶珍奇，無弗有故。

(Sao: Hai là tài đức (ưu điểm về mặt tài chánh), do bảy báu quý lạ, chẳng thiếu món gì).

Kinh tế phát triển. Ngày hôm nay, báo chí đã đặt tựa đề rất lớn cho biết hai năm nữa, tồn khoản ngoại hối (foreign exchange) của Đài Loan sẽ cao nhất thế giới. Đó là “tài đức”.

(Sao) Tam giả, thánh đức, Tam Tạng thánh pháp, giai cụ túc cố.

(鈔) 三者聖德，三藏聖法，皆具足故。

(Sao: Ba là thánh đức (ưu điểm về mặt thánh giáo), do Tam Tạng thánh pháp đều trọn đủ).

Chữ “thánh đức” chỉ Phật pháp, Phật pháp vô cùng hưng thịnh. Đức Phật ngự tại nơi ấy giảng kinh, tức là có Pháp Bảo, Phật có đông học trò đường ấy, đó là đệ tử của Phật, tức Tăng Bảo. Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo đầy đủ; vì thế, nơi ấy có “thánh đức”. Ở chỗ này, cũng có thể giải thích là trình độ văn hóa vô cùng cao, tư tưởng học thuật phát triển.

(Sao) Tứ giả, giải thoát đức, nhân đa giải thoát, bất nhiễm dục cố.

(鈔) 四者解脫德，人多解脫，不染欲故。

(Sao: Bốn là, giải thoát đức, do có nhiều người giải thoát, chẳng nhiễm dục).

Điều này chẳng đơn giản. “Giải thoát” là nói người tu hành chứng quả đông đảo, có nhiều thánh nhân. Thuở Phật tại thế, Phật là bậc

chí thánh, đại thánh, trong các đệ tử Phật, có không ít vị chứng Bồ Tát quả, chứng Bích Chi Phật quả, chứng A La Hán quả rất nhiều, thánh nhân rất đông! “*Xá Vệ*” dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*phong đức*”, [nghĩa là] sản vật phong phú, người có đạo đức vô cùng đông; do vậy gọi là Văn Vật. Văn là nổi tiếng, nức tiếng xa gần, [Vật] là sản vật phong phú. [Danh xưng] *Xá Vệ* có ý nghĩa ấy. Hiện thời, nói thật ra, Đài Loan còn thua nước *Xá Vệ* một chút, hai điều trước (trần đức và tài đức) chẳng kém họ, nhưng hai điều sau (thánh đức và giải thoát đức) thua họ. Nói theo Phật pháp, Đài Loan là khu vực có Phật pháp hưng thịnh nhất trên cả thế giới trong hiện thời. Đáng tiếc là Phật chẳng trụ thế, Phật chẳng ở nơi đây, Bồ Tát, A La Hán cũng không có, phàm phu tăng không ít, còn tốt hơn những nơi khác một chút, nhưng chẳng thể sánh bằng nước *Xá Vệ*. Điều thứ tư ở chỗ chúng ta không có! Mong sao mọi người nỗ lực niệm Phật, niệm tới công phu thành phỉn là thánh nhân, niệm tới nhất tâm bất loạn bèn chứng quả, điều này phải cậy vào sự nỗ lực của chúng ta. “*Nhân đa giải thoát, bất nhiễm dục cố*” (do có nhiều người giải thoát, chẳng nhiễm dục). Nhiều người chứng quả, cho nên quá nửa dân chúng tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật. Do đức Phật giáo hóa ở nơi ấy mười mấy, hai mươi năm, giảng rất nhiều bộ kinh lớn, cho nên người nơi ấy thật sự có phước báo, quá nửa đều là có thể thấy thấu suốt, buông xuống, người giải thoát đông đảo!

(Sao) Dĩ thị dự động Ngũ Thiên, danh Văn Vật dã.

(鈔) 以是譽動五天，名聞物也。

(Sao: Do vậy, lòng danh năm xứ Thiên Trúc, nên gọi là Văn Vật).

“*Dự*” (譽) là vinh dự, là tiếng tăm. Ngũ Thiên là Ấn Độ. Thuở đó, Ấn Độ gọi là Thiên Trúc, chia thành năm khu vực: Bắc Ấn Độ, Nam Ấn Độ, Đông Ấn Độ, Tây Ấn Độ, Trung Ấn Độ, người Trung Quốc gọi là Ngũ Thiên Trúc. Từ đời Đường về trước, luôn gọi [Ấn Độ] là Thiên Trúc (Sindhu). Cả Ấn Độ không ai chẳng biết đến nước *Xá Vệ*, đều biết đến địa phương ấy, là một quốc gia có trình độ văn hóa và vật chất phát triển nhất, nên gọi là Văn Vật.

(Sao) Dĩ nhân danh giả, đa hiền nhân cố, quốc dĩ nhân vi trọng cố.

(鈔) 以人名者，多賢人故，國以人為重故。

(Sao: “Do có nhiều người nổi tiếng”: Do có nhiều người hiền, vì đất nước tôn trọng con người).

Cũng có người nói Xá Vệ “*dĩ nhân danh*” (do người dân trong nước mà được nổi tiếng), có những nhân vật nổi tiếng. Nói theo cách bây giờ, những người nổi tiếng quốc tế đặc biệt nhiều, cho nên gọi là Xá Vệ. “*Đa hiền nhân cố*” (do có lắm người hiền) như A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát đều là hiền nhân. Phật thường giảng kinh thuyết pháp ở nơi ấy, những người ấy đều là đệ tử Phật, cho nên vô cùng nhiều. “*Quốc dĩ nhân vi trọng*” (đất nước coi trọng con người), Ấn Độ cổ đại và Trung Quốc đều đặc biệt coi trọng hiền nhân, hiền nhân là vật báu của đất nước! Nhiều người hiền, quốc gia nhất định cường thịnh, cuộc sống của dân chúng nhất định đạt được an hòa, lợi lạc. Đó là giải thích hai chữ Xá Vệ.

Tiếp theo đó là nói đến đạo tràng nơi Ngài cư trụ. Xá Vệ là một thành lớn, [Xá Vệ] là tên thành thị ấy, giống như nay chúng ta nói tới thành phố Đài Bắc, đó là tên một thành thị. Ngài trụ tại nơi nào trong thành thị ấy?

(Sớ) Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên giả.

(疏) 祇樹給孤獨園者。

(Sớ: Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên).

Đây là đạo tràng giảng kinh thuyết pháp của đức Phật thuở ấy.

(Sớ) Phạn ngữ Kỳ Đà, diệc vân Thệ Đa.

(疏) 梵語祇陀，亦云逝多。

(Sớ: Tiếng Phạn Kỳ Đà còn gọi là Thệ Đa).

Kỳ Đà (Jetā, Jetakumāra) và Thệ Đa đều là dịch âm tiếng Phạn.

(Sớ) Ngôn Kỳ giả, tỉnh văn dã.

(疏) 言祇者，省文也。

(Sớ: Nói “Kỳ” [trong Kỳ viên] là tỉnh lược).

Đây cũng là tinh lược, bỏ bớt âm cuối.

(Sớ) Thử vân Chiến Thắng.

(疏) 此云戰勝。

(Sớ: Cõi này dịch [Kỳ Đà] là Chiến Thắng).

Chữ “*thử*” chỉ Trung Quốc. Kỳ Đà dịch nghĩa sang tiếng Hán là Chiến Thắng.

(Sớ) Cấp Cô, biểu đức.

(疏) 給孤，表德。

(Sớ: Cấp Cô, biểu thị đức hạnh).

“*Cấp*” là bố thí, “*Cô*” là kẻ cô độc. Có thể thấy người này rất từ bi, thường cứu giúp kẻ bần khổ, là một nhà từ thiện thật sự. Do vậy, mọi người không gọi tên ông ta mà gọi là “*trưởng giả Cấp Cô Độc*” (Anāthapindada). Ông ta đặc biệt quan tâm kẻ cô độc, cho nên mới được gọi bằng ngoại hiệu như vậy, gọi ông ta như vậy là một cách xưng hô tôn kính. Vị này là ai? Chính là...

(Sớ) Tu Đạt Đa.

(疏) 須達多。

(Sớ: Tu Đạt Đa).

“*Tu Đạt Đa*” (Sudatta) là tên ông ta, tức trưởng giả Tu Đạt Đa.

(Sớ) Viên giả, Phạn ngữ Tăng-già-lam-ma, thử vân Chúng Viên.

(疏) 園者，梵語僧伽藍摩，此云眾園。

(Sớ: “Viên”: Tiếng Phạn là Tăng-già-lam-ma (Sanghārāma), cõi này dịch là Chúng Viên).

Đây là tiếng Phạn dịch âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chúng Viên. Tăng-già (Sanghā) là Chúng, Hòa Hợp Chúng. Phải tuân thủ sáu điều kiện, tức Lục Hòa Hợp, tuân thủ sáu điều kiện ấy, mọi người ở chung với nhau, vì thế, đó là một viên lâm. Viên lâm ấy vốn của Thái Tử

Kỳ Đà, Kỳ Đà là Thái Tử của vua nước Xá Vệ. [Viên lâm ấy] là một biệt thự, tức là một hoa viên biệt thự, có diện tích rất lớn.

Trưởng giả Tu Đạt Đa thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật đến nước Xá Vệ giảng kinh, thuyết pháp, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật còn có một nhóm thường tùy đệ tử đi theo Ngài. Phật đi tới đâu, những người ấy theo tới đó, bao nhiêu người? Là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Do vậy, nhất định phải thỉnh nhiều người như thế. Thỉnh nhiều người như thế đến, đương nhiên phải tìm một nơi rộng rãi để họ có thể trụ lại. Tu Đạt Đa đi khắp nơi trong nước Xá Vệ để kiếm chỗ, thấy biệt thự ấy của Thái Tử rất thích hợp, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người trụ nơi đó không có vấn đề gì, ở rất thoải mái, bèn thương lượng với Thái Tử muốn mua chỗ ấy. Vị Thái Tử ấy cũng chẳng biết Thích Ca Mâu Ni Phật là ai, trưởng giả nhất định đòi mua, xin Thái Tử ra giá, ông ta bèn nói giỡn: “Nghe nói nhà ông rất nhiều vàng, đất của ta là tác đất tác vàng, ông lột vàng được bao nhiêu, ta sẽ bán bấy nhiêu”. Tu Đạt Đa thật sự mở kho trong nhà lấy vàng ròng trải đất. Thái Tử rất cảm động, liền hỏi trưởng giả: “Rốt cuộc là do chuyện gì? Ông mua để làm gì?” Tu Đạt Đa bèn kể rõ. Bản thân Thái Tử cũng rất kính nể, bội phục, nói: “Như vậy thì hay lắm! Hai người chúng ta cùng làm công đức”. Trưởng giả cậy trong nhà có tiền, có vàng: “Tôi muốn làm một mình, chẳng muốn ông góp phần”, nên nảy sinh tranh chấp. Xảy ra tranh chấp, Thái Tử Kỳ Đà bèn làm khó: “Được rồi! Nếu vậy thì ông không chịu cho ta làm, được lắm! Đất ta đã bán cho ông, ông đã lột vàng rồi, nhưng cây hoa, cỏ cây trong chỗ đó, ta đều sai người chặt sạch, vì ông cũng chưa trải vàng tới đó. Còn có nhà cửa, ta đều sai phá sạch, ông chỉ mua được bãi đất trống!” Trưởng giả bị làm khó dễ, không còn cách nào, lúc ấy, mới đồng ý: “Được rồi! Hai người cùng làm công đức. Mỗi người phân nửa”. Chỗ ấy về sau được gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma). Coi như cây cối thuộc phần công đức của Thái Tử Kỳ Đà, viên lâm đã bán cho ông trưởng Cấp Cô Độc. Nơi ấy mang tên hai người. Đó là nơi đức Phật thuyết pháp trong thuở ấy. Ngày hôm nay giảng tới chỗ này!